

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ đất nông nghiệp và điều chỉnh phương án tái định cư của hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội; Quyết định số 53/2023/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của UBND tỉnh về việc bổ sung khoản 10a Điều 40 của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư các dự án trên địa bàn huyện xã Cát Hải, huyện Phù Cát tại Tờ trình số 08/TTr-HDBT ngày 24/02/2025; đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 86/TTr-SNNMT ngày 19/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ đất nông nghiệp và điều chỉnh phương án tái định cư của hộ dân bị ảnh hưởng do giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu nghỉ dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng, như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ; chi phí phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (2%) và chi phí dự phòng tổ chức thực hiện cưỡng chế là 1.279.383.890 đồng, trong đó:

- Tổng giá trị hỗ trợ bổ sung : 1.251.843.336 đồng
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) : 25.036.867 đồng
- Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế (0,2%): 2.503.687 đồng

Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng của Nhà đầu tư.

(Chi tiết như Phụ lục 1 kèm theo)

2. Điều chỉnh phương án bố trí tái định cư

- Thu hồi lô số 3, đường ĐS1 (lộ giới 16m), phân khu OLK-02, Khu tái định cư thôn Tân Thanh đã phê duyệt cho hộ ông Lê Kim Hùng – bà Võ Thị Thanh tại

Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh. Giao lại lô đất số 24, diện tích 150,6m² đường số 11 (lộ giới 10m), phân khu D tại Khu tái định cư Cát Tiến (mới) – Khu 2. Tiền sử dụng đất hộ phải nộp là 271.080.000 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục 2 kèm theo)

Điều 2. Giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Tư pháp; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Kho bạc Nhà nước khu vực XIII; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT N.T.C.Hoàng;
- PVPKT;
- Lưu: VT, K6 (10b).

Handwritten signature



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Handwritten signature

Nguyễn Tự Công Hoàng

Phụ lục I

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỖ TRỢ BỔ SUNG CHO CÁC HỘ
DÂN BỊ ẢNH HƯỞNG GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN KHU
NGHỈ DƯỠNG, ĐIỀU DƯỠNG VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2025 của UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên hộ bị ảnh hưởng	Địa chỉ	Giá trị phê duyệt bổ sung (đồng)
1	Đặng Văn Thành (chết) - vợ Trần Thị Lan - con Đặng Văn Hà (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	2.577.420
2	Đặng Thanh Tư - con Đặng Thanh Trâm (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	38.529.720
3	Đồng Thanh Hương	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	70.271.460
4	Huỳnh Khá (chết) - con Huỳnh Thừa (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	33.777.360
5	Mai Xuân Cảnh (chết) - vợ Trần Thị Sáu (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	41.200.020
6	Mai Xuân Cảnh (chết) - con Mai Sào (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	27.275.580
7	Đặng Thị Năm - cháu Nguyễn Võ Lâm (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	28.661.220
8	Nguyễn Cư - con Nguyễn Võ Lâm (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	30.936.780
9	Đỗ Thị Xuân - con Trần Vinh (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	47.198.520
10	Trương Thanh Tùng (chết) - vợ Đỗ Thị Dung (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	7.443.540
11	Võ Dương Hà	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	104.350.680
12	Võ Yên (chết) - Nguyễn Thị Đỗ (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	109.017.900
13	Võ Chung (chết) - Võ Văn Mười (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	50.742.900
14	Nguyễn Lương	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	81.509.940
15	Võ Thị Kim Thoa - con Đồng Thị Hạnh (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	9.586.980
16	Lê Tồn Căn - con Lê Văn Nghĩa (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	38.297.520
17	Trần Đỗ Nam, Trần Tiến Sĩ, Trần Thị Hà	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	10.371.600

18	Đỗ Thị Tứ	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	23.381.280
19	Huỳnh Tiên - con Huỳnh Văn Vinh, Huỳnh Thị Hưng (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	72.101.196
20	Trần Thị No (chết) - con Võ Thị Bảy (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	18.986.220
21	Nguyễn Cư - Võ Thị Thành	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	20.007.900
22	Đỗ Cung (chết) - con: Đỗ Thị Hợi, Đỗ Thị Ngôn, Đỗ Thị Dung (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	21.447.540
23	Đặng Thanh Châu - con Đặng Thanh Á (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	24.675.120
24	Lê Văn Trung	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	135.504.180
25	Trần Văn Phú (chết) - vợ Võ Thị Lang (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	7.020.000
26	Đặng Văn Thanh (chết) - vợ Lê Thị Xóc (đại diện)	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	152.906.760
27	Lê Kim Hùng - Võ Thị Thanh	Thôn Tân Thanh, xã Cát Hải	44.064.000
A	Tổng giá trị bổ sung		1.251.843.336
B	Chi phí GPMB 2%		25.036.867
C	Chi phí dự phòng tổ chức cưỡng chế GPMB 0,2%		2.503.687
Tổng cộng (A+B+C)			1.279.383.890

